

Số: 4137 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (điều chỉnh)
Dự án Khu đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa tại
phường Đông Thọ, phường Nam Ngạn và phường Hàm Rồng, thành phố
Thanh Hóa của Liên danh Công ty TNHH Điện tử Tin học
Viễn thông EITC và Công ty CP Đầu tư Fortune.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 22/03/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất “Khu đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam, Thành phố Thanh Hóa”;

Căn cứ Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/2000 khu Đô thị Bắc Cầu Hạc, Thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3514/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Đông, đại lộ Bắc-Nam, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 26/3/2019; Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 và Quyết định số 2740/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về quy định được thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã đầu tư hạ tầng để người dân tự xây dựng nhà ở (đợt 1, 2, 3) tại dự án Khu đô thị phía Đông Đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 1657/TCMT-TĐ ngày 16/6/2021 của Tổng Cục môi trường về việc hướng dẫn thủ tục ĐTM của dự án Khu đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Văn bản số 4740/UBND-NN ngày 09/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa xác nhận vị trí tiếp nhận nước thải sau xử lý của dự án Khu đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa được áp dụng QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, hệ số k=1,0).

Theo Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM (điều chỉnh) Dự án Khu đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 7802/STNMT-BVMT ngày 11/9/2021; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (điều chỉnh) của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 100/CV-FORTUNE ngày 27/9/2021 của Công ty CP Đầu tư Fortune;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 968/Tr-STNMT ngày 13/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (điều chỉnh) Dự án Khu đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa của Liên danh Công ty TNHH Điện tử Tin học Viễn thông EITC và Công ty CP Đầu tư Fortune (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Đông Thọ, phường Nam Ngạn và phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (điều chỉnh) của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa, Liên danh Công ty TNHH Điện tử Tin học Viễn thông EITC và Công ty cổ phần Đầu tư Fortune và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Khu đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa tại
phường Đông Thọ, phường Nam Ngạn và phường Hàm Rồng, thành phố
Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Liên danh Công ty TNHH Điện tử Tin
học Viễn thông EITC và Công ty CP Đầu tư Fortune

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin chung dự án:

- Tên dự án: Khu đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Liên danh Công ty TNHH Điện tử Tin học Viễn thông EITC và Công ty CP Đầu tư Fortune.
- + Đại diện Chủ đầu tư: Công ty CP Đầu tư Fortune
- + Người đại diện: Ông Lê Văn Dũng - Chức vụ: Giám đốc
- + Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Viettel, Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- + Điện thoại: 0898.550.538
- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

Dự án Khu đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 548.542,8m², bao gồm các hạng mục công trình chính như sau:

- Đầu tư xây dựng đồng bộ, hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật: San nền, giao thông, thoát nước, trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, cấp nước, cấp điện chiếu sáng, công viên thể dục thể thao, cây xanh trong phạm vi khu đất với tổng diện tích 548.542,8 m² và các công trình hạ tầng xã hội: Nhà văn hóa thanh niên, nhà văn hóa khu phố.

- Xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt trước của 240 công trình nhà phố thương mại và 02 công trình nhà ở chia lô có quy mô cao 04 tầng và 01 tum thang; 21 lô nhà ở biệt thự, quy mô cao 03 tầng và 01 tum thang.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 4,6 m³/ngày (nước thải vệ sinh khoảng 2,3 m³/ngày, nước rửa tay chân khoảng 2,3 m³/ngày). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh tại mỗi giai đoạn khoảng 16,0 m³/ngày; Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng lớn nhất khoảng 49.368,8m³/ngày.
Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng,...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* phát sinh ngày nhiều nhất trong thi công khoảng 55,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- *Chất thải rắn xây dựng bao gồm:* CTR phát quang thảm thực vật khoảng 358,5 tấn; khối lượng đất bóc phong hóa đem đi đổ thải khoảng 150.587,9 tấn; CTR phá dỡ công trình hiện trạng khoảng 1.389,3 tấn; sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng, sắt thép, tôn các loại khoảng 2.565,6 tấn; vật liệu xây dựng rơi vãi khoảng 500,6 tấn.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- *Chất thải rắn nguy hại* gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa, ... khối lượng khoảng 84,0 kg/giai đoạn thi công.

- *Chất thải lỏng nguy hại* chủ yếu là dầu máy với lượng khoảng 1.347,5 lít/giai đoạn thi công.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng là 1.318,4 m³/ngày đêm, trong đó: nước thải từ tắm, rửa tay, giặt: 562,1 m³/ngày; nước thải nhà vệ sinh: 465,1 m³/ngày; nước thải ăn uống: 262,1 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

- *Nước mưa chảy tràn* ngày lớn nhất có lưu lượng 81.849,2 m³/ngày.
Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

Ngoài ra, còn có lượng nước vệ sinh bề bơi tại khu vực Nhà văn hóa thanh niên khoảng 165 m³/ngày (định kỳ vệ sinh 01 lần/tháng). Thành phần chủ yếu: rác thải, chất rắn lơ lửng.

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, hệ thống cống rãnh thu gom thoát nước... Thành phần chủ yếu: Bụi, khí CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃,...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 6.592,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: túi nilon, giấy, bìa caton, vỏ bao bì...

Ngoài ra, còn có lượng bùn cặn phát sinh từ các công trình xử lý môi trường và lượng rác thải từ cảnh quan môi trường trong khuôn viên dự án.

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại phát sinh do hoạt động của dự án chủ yếu là chất thải rắn khoảng 98,9kg/tháng. Thành phần bao gồm: giẻ lau chùi máy móc, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

* *Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa (có hố ga) tạm thời để lắng loại bỏ bùn đất trước khi dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

* *Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân được thu gom về hố lắng nước thải xây dựng có thể tích 12m³ (kích thước 3,0 m x 2 m x 2,0 m) bố trí tại khu lán trại để xử lý trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh được thu gom về 05 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu lán trại và khu vực thi công (kích thước mỗi nhà: rộng 0,1m x dài 1,4m x cao 2,4m); định kỳ 02 ngày/lần, hợp đồng với đơn vị có chức năng hút chất thải đem đi xử lý.

* *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*

Nước thải xây dựng được thu gom về hố lắng có thể tích 18 m³ (kích thước 3,0 m x 3,0m x 2,0 m) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành để chống thấm trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án và vận chuyển nguyên vật liệu với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; bố trí công nhân quét dọn đất, cát vương vãi từ khu vực dự án ra tuyến đường vận chuyển trong dự án và cách dự án khoảng 500 m về hai phía, đặc biệt, tại khu vực qua khu dân cư phố Nam Ngạn 2, phường Nam Ngạn.

- Sử dụng rào tôn xung quanh phần diện tích đất thi công xây dựng nhằm giảm bụi và tiếng ồn phát sinh ra bên ngoài.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công, các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt.

- Bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại khu vực cổng ra vào công trường (cạnh khu vực lán trại phục vụ quá trình thi công dự án).

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 02 thùng nhựa composite (dung tích 100 lít/thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:

+ Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật được hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định;

+ Nguyên vật liệu vận chuyển rơi vãi trong dự án thu gom tận dụng để lót sân đường nội bộ và dùng để san nền phía bên trong khu vực dự án;

+ Chất thải rắn như bìa carton, các mẫu sắt thừa,... được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn;

+ Đối với đất đào bóc phong hóa được thu gom vận chuyển đi đổ thải tại khu vực Thung Khé, thôn Hạnh Phúc Đoàn, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn với tổng diện tích 140.000 m²; sức chứa 121.000 m³.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 02 thùng 200 lít/thùng chứa chất thải rắn và 02 thùng dung tích 500 lít/thùng chứa chất thải lỏng có dán nhãn, mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại góc trong khu lán trại; định kỳ 01 lần/năm, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường.

+ Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.

- Biện pháp giảm thiểu độ rung

+ Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Đối với của các hộ dân, các nhà đầu tư thứ cấp:

Xây dựng bể tự hoại, bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh, nước thải nhà ăn; lắp đặt lưới chắn rác để xử lý sơ bộ nước thải tắm giặt; xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước và đầu nối vào hệ thống

thoát nước chung của dự án sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 1.500 m³/ngày đêm của dự án để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- *Đối với Chủ đầu tư/Chính quyền địa phương*

+ Đấu nối toàn bộ nước mưa, nước thải phát sinh từ các hộ dân, khu vực công cộng, nhà đầu tư thứ cấp về hệ thống thoát nước mưa, nước thải chung của dự án.

+ Khai thông, nạo vét hệ thống mương, rãnh, hố ga thoát nước mưa, nước thải trong khu vực dự án; đảm bảo tiêu thoát nước mưa, nước thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Xây dựng hoàn chỉnh và vận hành thường xuyên, liên tục, đúng quy trình kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 1.500 m³/ngày đêm của dự án để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, hệ số k=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung khu vực → kênh Vinh → sông Mã.

Hệ thống xử lý nước thải gồm 2 modul hợp khối (công suất xử lý mỗi modul: 750 m³/ngày.đêm) theo sơ đồ công nghệ như sau: Nước thải sinh hoạt (nước thải vệ sinh, tắm giặt, ăn uống sau khi xử lý sơ bộ) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí kết hợp MBBR → Bể trợ lắng → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể chứa nước sau xử lý → Một phần tái sử dụng, một phần thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực → kênh Vinh → sông Mã.

Nước thải sau xử lý tại 02 modul được dẫn tập trung về 01 bể chứa nước thải sau xử lý, tại đây, lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục trước khi xả ra môi trường; lắp đặt camera theo dõi; thông số quan trắc tự động, liên tục bao gồm: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, NH₄⁺.

+ Định kỳ 01 tháng/lần, vệ sinh bể bơi tại khu vực Nhà văn hóa thanh niên, sử dụng thiết bị lọc tuần hoàn của hệ thống và hút cặn, làm sạch bể bơi, vớt rác thải trước khi dẫn ra hệ thống thoát nước mưa của dự án → mương thoát nước chung của khu vực → kênh Vinh → sông Mã.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- *Đối với của các hộ dân, các nhà đầu tư thứ cấp:*

+ Khuyến cáo dùng quạt hút mùi từ nhà bếp; sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, thiết bị dùng điện,... thay thế cho nhiên liệu hóa thạch,...

+ Đẻ rác đúng quy định về thời gian và địa điểm.

- *Đối với Chủ đầu tư/chính quyền địa phương*

+ Xây dựng hoàn chỉnh và vận hành thường xuyên, liên tục, đúng quy trình kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung theo sơ đồ công nghệ: khí thải → đường ống dẫn → tháp hấp thụ (bằng dung dịch nước vôi trong) → tháp hấp phụ (bằng than hoạt tính) → môi trường.

+ Thường xuyên quét dọn, phun chế phẩm khử mùi tại khu vực tập kết rác sinh hoạt của dự án; nạo vét, khai thông hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải khu vực dự án nhằm giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu vực dự án nhằm giảm thiểu bụi bay bốc theo bánh xe.

+ Trồng cây xanh song song với quá trình thi công xây dựng các hạng mục của dự án, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về tỉ lệ diện tích cây xanh theo quy định; đặc biệt, xung quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- *Đối với của các hộ dân, các nhà đầu tư thứ cấp:*

+ Thu gom, lưu giữ và tập kết chất thải rắn đúng nơi quy định; tuyệt đối không được vứt bừa bãi ra vỉa hè, lòng đường.

+ Thực hiện các biện pháp, thu gom, quản lý chất thải theo hồ sơ, thủ tục về môi trường đã được phê duyệt/xác nhận (nếu có).

- *Đối với Chủ đầu tư/chính quyền địa phương*

+ Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan và giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn cho các hộ gia đình, các nhà đầu tư thành viên.

+ Bùn cặn phát sinh từ các hồ gas, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải hợp đồng với đơn vị có chức năng để nạo hút với tần suất 01 năm/lần.

+ Bố trí 50 thùng chứa rác thải sinh hoạt công cộng loại 110 lít trong khuôn viên cây xanh, khu vực công cộng để thu gom rác thải sinh hoạt.

+ Xây dựng và vận hành 02 khu tập kết CTR của dự án (01 vị trí tiếp giáp khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung; 01 khu tập kết CTR tại khu vực khuôn viên cây xanh phía Tây Nam dự án), diện tích mỗi khu khoảng 20m², bố trí 04 thùng đựng rác có dung tích $V = 0,5\text{m}^3$ /thùng, thùng có bánh xe và nắp đậy) để tập kết chất thải trước khi hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý với tần suất 02 lần/ngày.

+ Phun chế phẩm EM/Enchoice để phun khử mùi, diệt khuẩn và ruồi, muỗi tại khu vực tập kết rác thải tạm của dự án với tần suất 02 lần/tháng.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom bùn thải từ quá trình nạo vét khơi thông cống rãnh, hút bùn bể tự hoại khu vực công cộng, hệ thống xử lý nước thải tập trung với tần suất 1 năm/lần.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

- *Đối với của các hộ dân, các nhà đầu tư thứ cấp:*

Thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại bỏ vào thùng do Chủ đầu tư trang bị, không để lẫn với chất thải rắn sinh hoạt.

- *Đối với Chủ đầu tư/chính quyền địa phương*

+ Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại cho người dân và khách, thu gom CTNH chuyển vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng.

+ Trang bị 04 thùng chứa dung tích 500 lít để chứa CTNH chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định, đặt tại 02 khu vực tập kết chất thải rắn của dự án để người dân thu gom, tập kết; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

3.2.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phòng chống cháy nổ:

Thiết kế và lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy theo đúng quy định của Nhà nước; tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức về công tác PCCC đối với các hộ gia đình, các nhà đầu tư thành viên; bố trí các họng lấy nước phòng cháy chữa cháy có sẵn, thuận tiện sử dụng khi cần thiết; bố trí các trục đường có ống cấp nước chính đặt các trụ cứu hỏa, ưu tiên đặt các trụ cứu hỏa ở ngã ba, ngã tư để thuận tiện cho xe cứu hỏa lấy nước chữa cháy.

- Ứng phó và khắc phục sự cố hư hỏng trạm xử lý nước thải tập trung:

Nhận chuyển giao và đào tạo nhân lực để vận hành trạm xử lý nước thải theo hướng dẫn của nhà cung cấp hệ thống và thiết bị; vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị; luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế khi hỏng hóc; sử dụng bể thu gom để chứa nước thải sinh hoạt khi hệ thống gặp sự cố; bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành liên tục theo dõi, ghi chép vào sổ nhật ký vận hành đối với từng hệ thống; khi phát hiện sự cố báo cáo ngay với người chủ quản để đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

4.1. Giám sát chất lượng khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Vị trí giám sát:

+ K1: Tại khu vực lán trại công nhân;

+ K2: Tại khu vực thi công dự án (tại thời điểm lấy mẫu).

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm/vận hành thương mại.

a. Giám sát chất lượng khí thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* NH₃, H₂S, CH₄, CO₂.
- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực hệ thống xử lý tập trung của dự án.
- *Quy chuẩn áp dụng:*
 - + QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn tiếp xúc cho phép của bụi tại nơi làm việc.
 - + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
 - + QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
 - + QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
 - + QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

b. Giám sát chất lượng nước thải

** Giám sát tự động, liên tục*

- *Vị trí giám sát:* 01 mẫu nước thải tại hố chứa nước thải sau xử lý trước khi thải ra môi trường.
- *Tần suất giám sát:* tự động, liên tục 24/24 giờ.
- *Thông số giám sát:* lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, TSS, Amoni.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, k = 1).

** Giám sát định kỳ:*

- *Vị trí giám sát:* 02 mẫu nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra mương thoát nước chung của dự án.
- *Các chỉ tiêu quan trắc:* BOD₅, tổng N, tổng P, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt, Coliform.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, k = 1).

c. Giám sát chất lượng bùn thải

- *Vị trí giám sát:* 01 mẫu bùn thải tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- *Chỉ tiêu giám sát:* hàm lượng As, Fe, Pb, Hg.
- *Quy chuẩn áp dụng:* QCVN 50:2013/BTNMT về ngưỡng nguy hại của các thông số trong bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước.
- *Tần suất:* 01 năm/lần.

d. Tần suất giám sát:

- *Giai đoạn vận hành thử nghiệm:* Tần suất 15 ngày/lần (trong vòng 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm); giai đoạn vận hành ổn định với tần suất 01 ngày/lần (trong 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu suất).
- *Giai đoạn vận hành thương mại:* 03 tháng/lần. /.